




Panasonic®

- Vui lòng đọc kỹ Hướng dẫn lắp đặt trước khi lắp đặt, và Hướng dẫn vận hành trước khi sử dụng thiết bị.
- Các thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không thông báo trước.
- Nội dung của catalogue này là chính xác kể từ tháng 1 năm 2024.
- Do điều chỉnh trong quá trình in ấn, màu sắc thực tế có thể khác đôi chút so với hình ảnh minh họa.
- Tất cả các hình ảnh đưa ra chỉ mang tính chất minh họa.

 Không thêm hoặc thay thế môi chất lạnh khác với loại được chỉ định. Nhà sản xuất không chịu trách nhiệm cho các hư hỏng hoặc thiếu an toàn do sử dụng môi chất lạnh khác.

PANASONIC AIR-CONDITIONING VIỆT NAM

Văn phòng Hà Nội: Tầng 14, Tòa nhà Charmvit,
Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Văn phòng Đà Nẵng: Tầng 16, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 1 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
Văn phòng Cần Thơ: Tầng 16, Tòa nhà Xổ Số Kiến Thiết Cần Thơ, Số 29
Cách Mạng Tháng Tám, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
Văn phòng TP. Hồ Chí Minh: Tầng 7, Tòa nhà E-town 1,
Số 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.



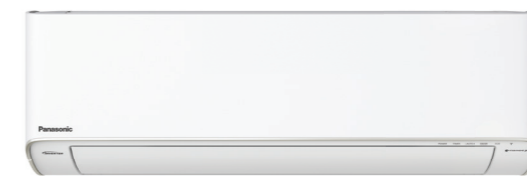
TRUNG TÂM HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG - TỰ VẤN MIỄN PHÍ CÁC DỊCH VỤ

Hỗ Trợ Trước và Sau Mua Hàng • Tư Vấn, Hướng Dẫn Sử Dụng Sản Phẩm •
Giải Quyết Các Thắc Mắc, Khiếu Nại của Khách Hàng

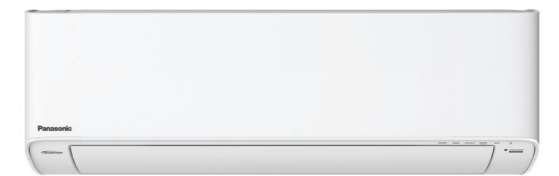
hoặc 1800 1593
Từ 8h15 - 17h30 Thứ 2 đến Chủ Nhật

www.panasonic.com/vn
 www.facebook.com/PanasonicVietnam

ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ DÂN DỤNG (DÀNH CHO KÊNH MM/DỰ ÁN) 2024/2025



AERO INVERTER CAO CẤP



INVERTER CAO CẤP



QUALITY AIR FOR LIFE
Khí sạch, sống chất

CÁC DÒNG SẢN PHẨM		GIẢI THÍCH TÍNH NĂNG	
VU INVERTER SANG TRỌNG	1.0HP - 2.0HP	nanoE™ X Bộ phát thế hệ 1 nanoE™-G SKYWING AutoX XTRA QUIET 18dB (CS-VU9UKH-8)	Lọc sạch không khí Công nghệ nanoE™ X khử mùi và ức chế hiệu quả các tác nhân ô nhiễm, mang lại không gian thoáng mát và trong lành hơn. Công nghệ Inside Cleaning - Vệ sinh bên trong dàn lạnh giúp hong khô bên trong, đồng thời giải phóng các hạt nanoE™ X giúp ức chế các tác nhân gây ô nhiễm. Công nghệ nanoE™-G loại bỏ hiệu quả lên đến 99% các hạt bụi mịn PM2.5.
XU AERO INVERTER CAO CẤP	1.0HP - 2.5HP	nanoE™ X Bộ phát thế hệ 3 INSIDE CLEANING ON DEMAND BUILT-IN EASY CONNECT Humidity Sensor + DRY MODE Humidity Sensor + iAutoX nanoE™-G AEROWINGS AI ECO	Kết nối thông minh Dễ dàng kết nối và điều khiển điều hòa mọi lúc mọi nơi.
U INVERTER CAO CẤP	1.0HP - 2.5HP	nanoE™ X Bộ phát thế hệ 2 INSIDE CLEANING ON DEMAND BUILT-IN EASY CONNECT Humidity Sensor + DRY MODE Humidity Sensor + iAutoX nanoE™-G AEROWINGS AI ECO	Duy trì sự thoải mái Kết hợp cảm biến độ ẩm với chế độ Dry (khử ẩm) giúp giảm độ ẩm dư thừa trong không khí đồng thời tránh không gian bị quá lạnh. Cảm biến độ ẩm được kết hợp với chế độ iAUTO-X mang lại không gian trong lành cho giấc ngủ ngon.
PU INVERTER TIÊU CHUẨN	1.0HP - 2.5HP	nanoE™-G BUILT-IN EASY CONNECT Humidity Sensor + DRY MODE Humidity Sensor + iAutoX AEROWINGS POWERFUL AI ECO	POWERFUL Chế độ POWERFUL giúp làm lạnh nhanh hơn khi vừa khởi động, cho bạn không gian mát mẻ để chịu ngay lập tức.
XZ HAI CHIỀU AERO INVERTER CAO CẤP	1.0HP - 2.5HP	nanoE™ X Bộ phát thế hệ 3 INSIDE CLEANING ON DEMAND BUILT-IN EASY CONNECT Humidity Sensor + DRY MODE Humidity Sensor + iAutoX nanoE™-G AEROWINGS AI ECO	SKYWING Luồng gió thổi ra từ phía trên làm mát tường và trần nhà, mang lại không gian mát lạnh đều khắp cho căn phòng. AEROWINGS Luồng gió thổi nhanh, tập trung và xa hơn nhờ hai cánh đảo gió và động cơ độc lập.
YZ HAI CHIỀU INVERTER TIÊU CHUẨN	1.0HP - 2.0HP	nanoE™-G BUILT-IN EASY CONNECT Humidity Sensor + DRY MODE Humidity Sensor + iAutoX AEROWINGS POWERFUL AI ECO	BIG FLAP Cánh đảo gió lớn hướng luồng gió mát đi khắp phòng. Tiết kiệm điện năng Với đa dạng tốc độ quay của máy nén giúp tiết kiệm điện năng tốt hơn. AI ECO Tự động điều chỉnh mức ECO tối ưu dựa trên tình trạng tải nhiệt và công suất làm mát của điều hòa.



Lọc sạch không khí



Quét để tìm hiểu thêm



Công nghệ nanoE™ X với bộ phát thế hệ 3

Công nghệ nanoE™ X với bộ phát thế hệ 3 có khả năng ức chế các chất gây ô nhiễm và khử mùi hôi nhanh chóng, hiệu quả nhờ số lượng gốc Hydroxyl gấp 100 lần so với nanoE™ thế hệ đầu tiên.

Khử mùi nhanh hơn 4 lần so với nanoE™ X bộ phát thế hệ 2

Thời gian cần thiết để giảm nồng độ mùi xuống 1,7 lần**

Thiết bị thông thường	nanoE™ X Bộ phát thế hệ 2
Thiết bị mới nhất	nanoE™ X Bộ phát thế hệ 3

4 lần nhanh hơn

7 tác dụng của nanoE™ X

Ức chế 5 loại chất gây ô nhiễm

- Vi khuẩn & Vi-rút
- Nấm mốc
- Chất gây dị ứng
- Phân hoa
- Các chất độc hại

Khử mùi, Giữ ẩm, Mùi, Da & Tóc

** nanoE™ X bộ phát thế hệ 2 - *Tổ chức thử nghiệm: Trung tâm Phân tích Sản phẩm Panasonic • Đối tượng thử nghiệm: Mùi bám dính (mùi cơ thể) • Không gian thử nghiệm: Phòng thí nghiệm khoảng 23m³ • Kết quả thử nghiệm: Nồng độ mùi giảm 1,7 lần trong 60 phút • Số báo cáo: Y18HM059 [Sự chênh lệch về cường độ mùi so với mẫu trắng lớn hơn 1.7 và thời gian cho đến khi cường độ mùi nhỏ hơn 2,6]
 nanoE™ X bộ phát thế hệ 3 - *Tổ chức thử nghiệm: Trung tâm Phân tích Sản phẩm Panasonic • Đối tượng thử nghiệm: Mùi bám dính (mùi cơ thể) • Không gian thử nghiệm: Phòng thí nghiệm khoảng 23m³ • Kết quả thử nghiệm: Nồng độ mùi giảm 1,9 lần trong 15 phút • Số báo cáo: H21HM005-1
 ** Để biết thêm thông tin chi tiết về báo cáo thử nghiệm nanoE™ X, hãy truy cập: <https://www.panasonic.com/kh/nance/all/verification/evidence.html>

Vệ sinh bên trong dàn lạnh

Chức năng vệ sinh bên trong dàn lạnh mới được cải tiến thuận tiện hơn cho người dùng có thể dễ dàng kích hoạt tùy theo nhu cầu. Chức năng này giúp loại bỏ ẩm bên trong dàn lạnh, và giải phóng nanoE™ X để ức chế sự phát triển của các chất ô nhiễm. Quạt lồng sóc được cải tiến với lớp phủ chống bám bụi.

1. Lưới lọc **3. Cửa gió**
2. Dàn trao đổi nhiệt **4. Quạt lồng sóc**

INSIDE CLEANING ON DEMAND

Kích hoạt qua điều khiển từ xa hoặc ứng dụng Comfort Cloud:

Tắt điều hòa và nhấn nút nanoE™ X trong hơn 3 giây để kích hoạt chức năng vệ sinh bên trong dàn lạnh.

Tắt điều hòa và nhấn biểu tượng 'Vệ sinh bên trong dàn lạnh' trên Ứng dụng Panasonic Comfort Cloud để kích hoạt chức năng.

Vệ sinh bên trong dàn lạnh hiệu quả

Khả năng ức chế nhờ công nghệ nanoE™ X đã được chứng minh trên:

- Nấm mốc³
- Vi khuẩn⁴
- Vi-rút⁴

Lưới lọc, Dàn trao đổi nhiệt, Cửa gió

Không phủ lớp chống bám bụi Định bám bụi

Được phủ lớp chống bám bụi Duy trì mức độ sạch

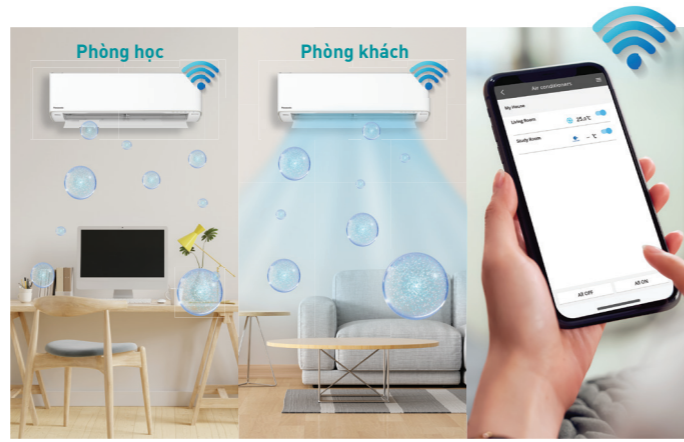
Quạt lồng sóc

Lượng bụi bám trên quạt lồng sóc tùy thuộc vào tần suất sử dụng và môi trường. Quạt lồng sóc chống bám bụi được trang bị cho các dòng INVERTER SANG TRỌNG, AERO INVERTER CAO CẤP và HAI CHIỀU AERO INVERTER CAO CẤP.

Lưu ý: [1] Cần bảo dưỡng màng lọc định kỳ để đảm bảo hiệu suất tối ưu [2] Hình minh họa trên màn hình ứng dụng có thể khác với giao diện màn hình thực tế.
 ** *Tổ chức kiểm nghiệm: Phòng thí nghiệm dự báo nguy cơ xuất hiện nấm mốc • Đối tượng kiểm nghiệm: Nấm mốc [Aspergillus penicillioides K-712] • Kết quả kiểm nghiệm: Bảo tử nấm mốc bị ức chế sinh sôi và phát triển bên trong dàn lạnh khi chức năng vệ sinh bên trong dàn lạnh được kích hoạt • Số báo cáo kiểm nghiệm: 220207 • Hiệu quả ức chế nấm mốc của nanoE™ X của chức năng vệ sinh bên trong dàn lạnh được áp dụng cho các dòng AERO INVERTER CAO CẤP và HAI CHIỀU AERO INVERTER CAO CẤP.
 ** *Tổ chức kiểm nghiệm: Protectea, Ltd • Đối tượng kiểm nghiệm: Vi khuẩn [Escherichia coli NBRC3301] và Vi-rút [Escherichia coli NBRC320012] • Kết quả kiểm nghiệm: Ức chế 99% [so với khi không hoạt động] • Số báo cáo kiểm nghiệm: PR190803 [Lưới lọc & Dàn trao đổi nhiệt]; PR191102 [Cửa gió]
 *Chức năng vệ sinh bên trong dàn lạnh theo nhu cầu áp dụng cho các dòng sản phẩm AERO INVERTER CAO CẤP, INVERTER CAO CẤP và HAI CHIỀU AERO INVERTER CAO CẤP.

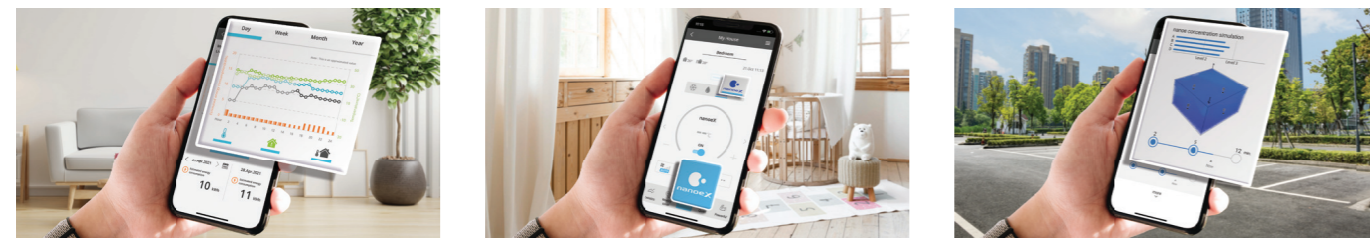
Kết nối và điều khiển điều hòa mọi lúc mọi nơi với ứng dụng Comfort Cloud

Điều khiển nhiều thiết bị điều hòa ở cùng một địa điểm, hoặc nhiều điểm từ bất kỳ đâu.



Lợi ích từ ứng dụng Panasonic Comfort Cloud

Ứng dụng này cung cấp giải pháp điều khiển "một điểm" cho tất cả các điều hòa, tùy theo nhu cầu và sở thích cá nhân.



Theo dõi điện năng tiêu thụ

Xem mức tiêu thụ điện năng của từng thiết bị bằng cách so sánh dựa trên mức sử dụng hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng và hàng năm.

Làm sạch ngôi nhà của bạn với nanoe™ X

Bật chế độ nanoe™ X khi TẮT/MỞ chế độ làm mát để tận hưởng không gian sạch sẽ và trong lành cùng những người thân yêu.

Mô phỏng nanoe™ X

Xem phạm vi bao phủ của nanoe™ X trong không gian thông qua mô phỏng.



Thiết lập an toàn và dễ dàng hơn với kết nối được cài tiến**

Chức năng kết nối Wi-Fi tích hợp sẵn được cài tiến mới giúp kết nối với ứng dụng Panasonic Comfort Cloud dễ dàng và nhanh hơn bằng cách quét mã QR.



**Tuần thủ các nguyên tắc an ninh mạng nội bộ dựa trên xu hướng an ninh mạng và quy định của mỗi quốc gia. Chức năng kết nối Wi-Fi tích hợp sẵn được cài tiến mới áp dụng cho các dòng sản phẩm một chiều và hai chiều AERO Inverter Cao Cấp, Inverter Cao Cấp, Inverter Tiêu chuẩn.
Lưu ý: Nhân hiệu Bluetooth® và các logo là nhân hiệu đã đăng ký thuộc sở hữu của Bluetooth SIG, Inc. và mọi hoạt động sử dụng các nhân hiệu đó của Panasonic đều được cấp phép. Các nhân hiệu thương mại và tên thương mại khác đều thuộc sở hữu của các chủ sở hữu thương hiệu tương ứng.



nanoe-G

Loại bỏ bụi mịn (PM2.5)

Với hiệu quả loại bỏ bụi 99%, nanoe-G giải phóng các ion âm để bắt giữ các hạt bụi mịn nhỏ như PM2.5, sau đó đưa chúng về lưới lọc và mang lại không gian sống sạch sẽ và tươi mát.



** Tổ chức thử nghiệm: Viện nghiên cứu FCG • Đối tượng thử nghiệm: Khói thuốc lá [PM2.5] • Không gian thử nghiệm: 23m³ • Kết quả thử nghiệm: Loại bỏ 99% [so với mật độ ban đầu] • Số báo cáo thử nghiệm: 25034

Công nghệ tiết kiệm điện và thân thiện với môi trường



Tận hưởng khả năng làm mát thông minh với các tính năng thân thiện với môi trường, giúp tiết kiệm và giảm đáng kể lượng điện năng tiêu thụ

Công nghệ Inverter

Điều hòa Panasonic Inverter tích hợp động cơ DC mang lại khả năng vận hành vượt trội, tiết kiệm điện năng, vận hành êm ái, phạm vi làm mát rộng. Công nghệ Inverter giảm thiểu sự biến thiên nhiệt độ liên tục giúp tiết kiệm điện năng mà không ảnh hưởng đến sự thoải mái.



Tiết kiệm điện

Điều hòa Panasonic Inverter giúp giảm một nửa hóa đơn tiền điện so với dòng không Inverter.

Thoải mái hơn

Giảm thiểu mức dao động nhiệt độ.

Vận hành êm ái

Giảm tiếng ồn xuống mức 19dB(A)*.

Phạm vi làm mát rộng

Cân bằng cảm giác thoải mái theo số lượng người trong phòng.

*19dB(A) áp dụng cho các dòng sản phẩm AERO INVERTER CAO CẤP (1.0-1.5HP), INVERTER CAO CẤP (1.0-1.5HP) và HAI CHIỀU AERO INVERTER CAO CẤP (1.0-1.5HP)



Quét để tìm hiểu thêm

Cân bằng giữa tiết kiệm điện và mang lại sự thoải mái

Vì môi trường mỗi phòng khác nhau, chế độ ECO kết hợp công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) luôn tiếp nhận, học hỏi và điều chỉnh mức ECO tối ưu để mang lại sự cân bằng hoàn hảo nhất giữa tiết kiệm điện năng mà vẫn duy trì cảm giác mát lạnh thoải mái.



Quét để tìm hiểu thêm

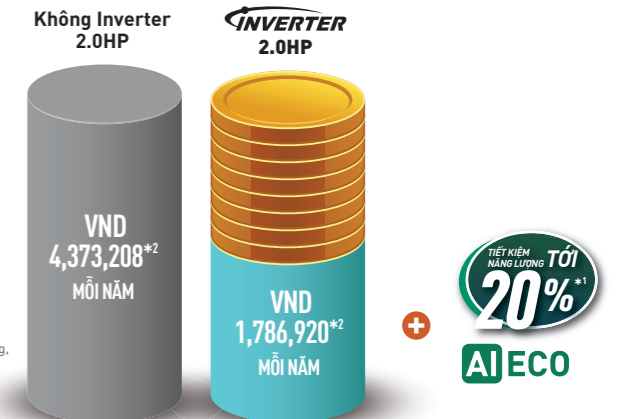


Giảm một nửa hóa đơn tiền điện

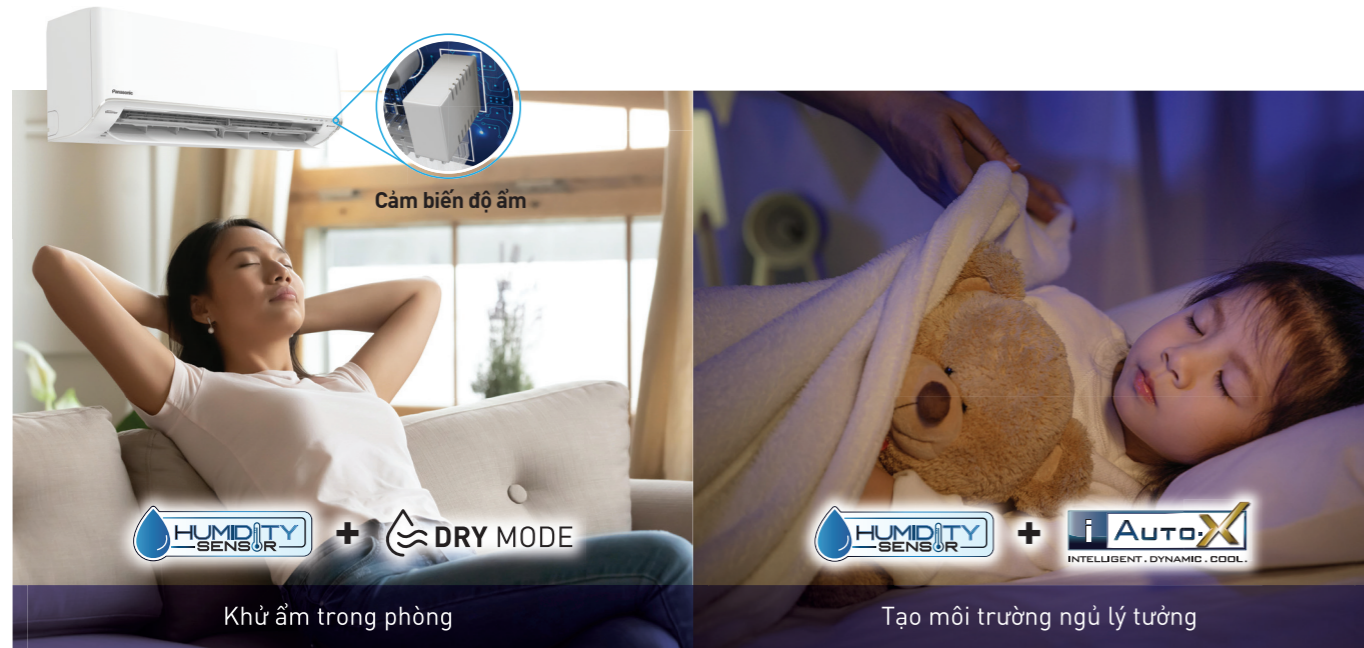
Tận hưởng cảm giác thoải mái cùng hiệu quả tiết kiệm một nửa tiền điện nhờ chế độ ECO tích hợp trí tuệ nhân tạo AI. Nhấn nút 'ECO' trên điều khiển để tối ưu hiệu quả làm mát và cải thiện hiệu suất năng lượng giúp tiết kiệm điện năng lên đến 20%*1.



*1 So sánh Chế độ ECO và chế độ thường khi sử dụng model INVERTER 1.5HP.
*2 Chi phí điện hàng năm của model CU/CS-XU24ZKH-8 và CU/CS-N24ZKH-8 được tính dựa trên Tổng điện năng tiêu thụ toàn mùa (CSEC) được thử nghiệm bởi Trung tâm thử nghiệm Vinacomin. Giá định sử dụng điều hòa trong 8 giờ mỗi ngày, 30 ngày mỗi tháng, và 12 tháng mỗi năm, tiền điện mỗi tháng được tính dựa trên biểu giá điện của tháng 6 năm 2023.



Kiểm soát độ ẩm mang lại cảm giác dễ chịu hơn



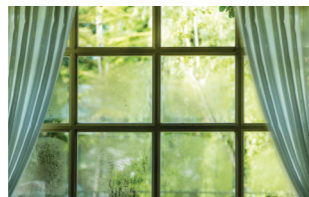
Kiểm soát độ ẩm với cảm biến độ ẩm + Chế độ Dry (Khử ẩm)

Chế độ Dry (khử ẩm) kết hợp với cảm biến độ ẩm cho phép điều hòa không khí nhận dữ liệu chính xác về tình trạng độ ẩm trong phòng để điều chỉnh độ ẩm xuống dưới 55% một cách hiệu quả, loại bỏ độ ẩm dư thừa trong phòng, đồng thời ngăn ngừa tình trạng quá lạnh.



Lợi ích của Cảm biến độ ẩm + chế độ Dry (Khử ẩm) của điều hòa Panasonic

- Khi nào cần sử dụng chế độ này
- Độ ẩm cao nhưng nhiệt độ phòng không nóng
- Trời mưa và trong phòng có mùi ẩm mốc
- Sống ở nơi có độ ẩm cao



Toả mái mà không quá lạnh
Liên tục theo dõi và điều chỉnh độ ẩm tương đối xuống dưới 55%, đồng thời điều chỉnh nhiệt độ để tránh quá lạnh.



Giảm độ ẩm
Duy trì không gian trong lành mà không có mùi ẩm mốc.



Bảo vệ đồ dùng trong nhà
Ngăn chặn sự phát triển của nấm mốc bằng cách loại bỏ độ ẩm dư thừa trong không khí.

Kiểm soát độ ẩm với Cảm biến Độ ẩm+ iAUTO-X

Điều hoà với chức năng iAUTO-X và Cảm biến độ ẩm liên tục theo dõi và điều chỉnh mức độ ẩm tương đối xuống dưới 60% giúp cân bằng cảm giác mát lạnh bằng cách giảm nhiệt, mang lại sự mát lạnh thoải mái tối ưu.



Cảm biến độ ẩm và iAUTO-X trong điều hòa giúp duy trì độ ẩm tương đối dưới 60% để bạn có một giấc ngủ ngon suốt đêm.

LUỒNG GIÓ

Mát Lạnh Dễ Chịu



Mát lạnh nhanh hơn với chế độ iAUTO-X và POWERFUL



Nhanh chóng làm mát không gian sống của bạn và duy trì nhiệt độ thoải mái suốt ngày dài.

Chế độ iAUTO-X

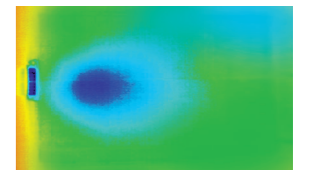
iAUTO-X giúp làm mát nhanh hơn và mạnh hơn nhờ Công nghệ Tăng cường Nhiệt (P-TEch) của Panasonic, cho phép máy nén nhanh chóng đạt tần số tối đa ngay khi khởi động.



Quét để tìm hiểu thêm



iAUTO-X



Luồng khí tập trung làm mát tức thì giúp làm mát đồng đều khắp phòng.

Điểm độc đáo chỉ có ở iAUTO-X



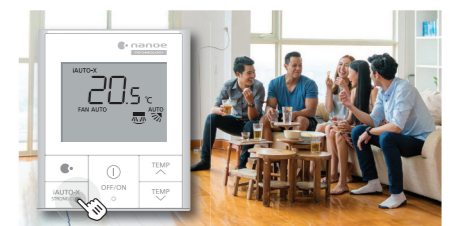
Tốc độ quạt tự động

iAUTO-X tự động chuyển đổi tốc độ quạt tùy theo chênh lệch nhiệt độ của phòng và nhiệt độ cài đặt.



Tự động điều chỉnh cánh đảo gió

Sau khi đạt đến nhiệt độ cài đặt, cánh đảo gió tự động hướng lên trên giúp làm mát đồng đều khắp phòng.



Kích hoạt lại iAUTO-X

Khi số lượng người trong phòng tăng lên, hãy nhấn nút iAUTO-X một lần nữa để kích hoạt lại chế độ giúp làm mát nhanh hơn.

*So sánh chế độ iAUTO-X và chế độ COOL bình thường khi sử dụng dòng sản phẩm AERO INVERTER CAO CẤP 1.5HP
**Áp dụng cho các dòng sản phẩm AERO INVERTER CAO CẤP, INVERTER CAO CẤP và HAI CHIỀU AERO INVERTER CAO CẤP.

LÀM MÁT MẠNH MỀ

Chế độ POWERFUL làm mát căn phòng của bạn nhanh hơn 18%* sau khi khởi động giúp mang lại cảm giác mát lạnh thoải mái ngay tức thì trong ngày nắng nóng.

POWERFUL



Quét để tìm hiểu thêm



*So sánh Chế độ Làm mát POWERFUL & chế độ COOL thông thường khi sử dụng dòng sản phẩm Inverter 1.5HP.
Khả năng làm mát nhanh hơn 18% áp dụng cho các dòng sản phẩm INVERTER TIÊU CHUẨN và INVERTER TIÊU CHUẨN HAI CHIỀU.



CS-VU9UKH-8 | CS-VU12UKH-8 | CS-VU18UKH-8



Không dây
(Tiêu chuẩn)



Có dây
CZ-RD514C
(Tùy chọn)



MODEL	DÀN LẠNH		CU/CS-VU9UKH-8	CU/CS-VU12UKH-8	CU/CS-VU18UKH-8
	DÀN NÓNG		CU-VU9UKH-8	CU-VU12UKH-8	CU-VU18UKH-8
Công suất làm lạnh	(tối thiểu-tối đa)	kW	2.50 (0.84-3.60)	3.40 (1.02-4.50)	5.20 (1.10-5.80)
	(tối thiểu-tối đa)	Btu/h	8,530 (2,860-12,300)	11,600 (3,480-15,300)	17,700 (3,750-19,800)
EER	(tối thiểu-tối đa)	Btu/hW	17.41 (13.30-13.67)	14.15 (14.20-12.75)	12.21 (12.93-11.86)
	(tối thiểu-tối đa)	W/W	5.10 (3.91-4.00)	4.15 (4.16-3.75)	3.59 (3.79-3.47)
CSPF		W/W	6.89 (5★)	6.61 (5★)	5.48 (5★)
Thông số điện	Điện áp	V	220	220	220
	Cường độ dòng điện	A	2.4	4.0	7.0
	Công suất đầu vào (tối thiểu-tối đa)	W	490 (215-900)	820 (245-1,200)	1,450 (290-1,670)
Khử ẩm		L/h	1.5	2.0	2.9
		Pt/h	3.2	4.2	6.1
Lưu lượng gió	Dàn lạnh	m ³ /phút(ft ³ /phút)	11.5 (405)	12.8 (450)	14.8 (520)
	Dàn nóng	m ³ /phút (ft ³ /phút)	31.3 (1,110)	31.3 (1,110)	34.9 (1,230)
Độ ồn	Dàn lạnh (Cao/Thấp/TB)	dB (A)	42/26/18	43/28/19	46/36/33
	Dàn nóng (Cao)	dB (A)	47	48	49
Kích thước dàn lạnh (dàn nóng)	Chiều cao	mm	306 (542)	306 (542)	306 (619)
		inch	12-1/16 (21-11/32)	12-1/16 (21-11/32)	12-1/16 (24-3/8)
	Chiều rộng	mm	950 (780)	950 (780)	950 (824)
		inch	37-13/32 (30-23/32)	37-13/32 (30-23/32)	37-13/32 (32-15/32)
Chiều sâu	mm	280 (289)	280 (289)	280 (299)	
	inch	11-1/32 (11-13/32)	11-1/32 (11-13/32)	11-1/32 (11-25/32)	
Khối lượng	Dàn lạnh	kg (lb)	12 (26)	12 (26)	12 (26)
	Dàn nóng	kg (lb)	30 (66)	30 (66)	33 (73)
Môi chất lạnh	Loại [Khối lượng]	g	R32 (900)	R32 (900)	R32 (1,080)
Đường kính ống dẫn môi chất lạnh	Ống lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
		inch	1/4	1/4	1/4
	Ống hơi	mm	ø 9.52	ø 12.70	ø 15.88
		inch	3/8	1/2	5/8
Giới hạn đường ống	Chiều dài tiêu chuẩn	m	7.5	7.5	10.0
	Chiều dài ống tối đa	m	20	20	30
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	15	15	20
	Gas nạp bổ sung*	g/m	10	10	25
Nguồn điện			Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh

*Khi chiều dài ống đồng không vượt quá chiều dài tiêu chuẩn, lượng môi chất lạnh cần thiết đã có sẵn trong thiết bị.

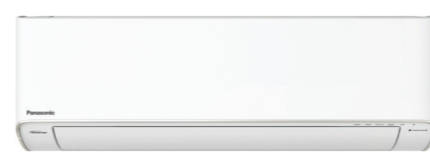
DÀN NÓNG



CU-VU9UKH-8
CU-VU12UKH-8



CU-VU18UKH-8



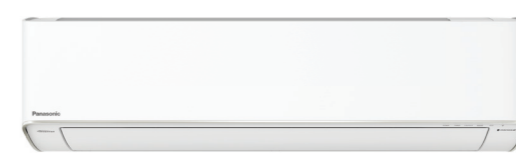
CS-XU9ZKH-8 | CS-XU12ZKH-8



Không dây
(Tiêu chuẩn)



Có dây
CZ-RD514C
(Tùy chọn)



CS-XU18ZKH-8 | CS-XU24ZKH-8



Không dây
(Tiêu chuẩn)



Có dây
CZ-RD514C
(Tùy chọn)



MODEL	DÀN LẠNH		CU/CS-XU9ZKH-8	CU/CS-XU12ZKH-8	CU/CS-XU18ZKH-8	CU/CS-XU24ZKH-8
	DÀN NÓNG		CU-XU9ZKH-8	CU-XU12ZKH-8	CU-XU18ZKH-8	CU-XU24ZKH-8
Công suất làm lạnh	(tối thiểu-tối đa)	kW	2.55 (0.92-3.60)	3.50 (1.02-4.20)	5.30 (1.10-6.21)	6.10 (1.12-7.18)
	(tối thiểu-tối đa)	Btu/h	8,700 (3,140-12,300)	11,900 (3,480-14,300)	18,100 (3,750-21,200)	20,800 (3,820-24,500)
EER	(tối thiểu-tối đa)	Btu/hW	13.38 (13.96-11.28)	12.53 (13.92-11.44)	13.71 (13.89-12.47)	13.00 (15.28-11.95)
	(tối thiểu-tối đa)	W/W	3.92 (4.09-3.30)	3.68 (4.08-3.36)	4.02 (4.07-3.65)	3.81 (4.48-3.50)
CSPF		W/W	6.16 (5★)	6.32 (5★)	7.11 (5★)	6.90 (5★)
Thông số điện	Điện áp	V	220	220	220	220
	Cường độ dòng điện	A	3.2	4.4	6.2	7.4
	Công suất đầu vào (tối thiểu-tối đa)	W	650 (225-1,090)	950 (250-1,250)	1,320 (270-1,700)	1,600 (250-2,050)
Khử ẩm		L/h	1.6	2.0	2.9	3.4
		Pt/h	3.4	4.2	6.1	7.2
Lưu lượng gió	Dàn lạnh	m ³ /phút(ft ³ /phút)	11.7 (415)	12.5 (440)	18.7 (660)	19.2 (680)
	Dàn nóng	m ³ /phút (ft ³ /phút)	26.5 (940)	30.9 (1,090)	34.9 (1,230)	46.3 (1,635)
Độ ồn	Dàn lạnh (Cao/Thấp/TB)	dB (A)	38/26/19	40/28/19	44/32/27	45/34/28
	Dàn nóng (Cao)	dB (A)	47	48	50	51
Kích thước dàn lạnh (dàn nóng)	Chiều cao	mm	295 (511)	295 (542)	295 (619)	295 (695)
		inch	11-5/8 (20-1/8)	11-5/8 (21-11/32)	11-5/8 (24-3/8)	11-5/8 (27-3/8)
	Chiều rộng	mm	870 (650)	870 (780)	1,040 (824)	1,040 (875)
		inch	34-9/32 (25-19/32)	34-9/32 (30-23/32)	40-31/32 (32-15/32)	40-31/32 (34-15/32)
Chiều sâu	mm	229 (230)	229 (289)	244 (299)	244 (320)	
	inch	9-1/32 (9-1/16)	9-1/32 (11-13/32)	9-5/8 (12-5/8)	9-5/8 (12-5/8)	
Khối lượng	Dàn lạnh	kg (lb)	10 (22)	10 (22)	12 (26)	12 (26)
	Dàn nóng	kg (lb)	18 (40)	22 (49)	31 (68)	38 (84)
Môi chất lạnh	Loại [Khối lượng]	g	R32 (430)	R32 (530)	R32 (920)	R32 (1,170)
Đường kính ống dẫn môi chất lạnh	Ống lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
		inch	1/4	1/4	1/4	1/4
	Ống hơi	mm	ø 9.52	ø 9.52	ø 12.70	ø 12.70
		inch	3/8	3/8	1/2	1/2
Giới hạn đường ống	Chiều dài tiêu chuẩn	m	7.5	7.5	10.0	10.0
	Chiều dài ống tối đa	m	20	20	30	30
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	15	15	20	20
	Gas nạp bổ sung*	g/m	10	10	15	15
Nguồn điện			Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh

*Khi chiều dài ống đồng không vượt quá chiều dài tiêu chuẩn, lượng môi chất lạnh cần thiết đã có sẵn trong thiết bị.

DÀN NÓNG



CU-XU9ZKH-8



CU-XU12ZKH-8



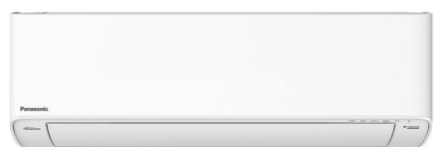
CU-XU18ZKH-8



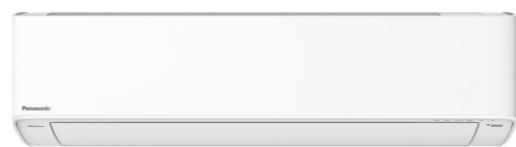
CU-XU24ZKH-8

MỘT CHIỀU **INVERTER CAO CẤP**

Loại điều hòa cục bộ



CS-U9ZKH-8 | CS-U12ZKH-8



CS-U18ZKH-8 | CS-U24ZKH-8



Không dây
(Tiêu chuẩn)

Có dây
CZ-RD514C
(Tùy chọn)



Không dây
(Tiêu chuẩn)

Có dây
CZ-RD514C
(Tùy chọn)



MODEL			CU/CS-U9ZKH-8	CU/CS-U12ZKH-8	CU/CS-U18ZKH-8	CU/CS-U24ZKH-8
	DÀN LẠNH [50Hz]		CS-U9ZKH-8	CS-U12ZKH-8	CS-U18ZKH-8	CS-U24ZKH-8
	DÀN NÓNG		CU-U9ZKH-8	CU-U12ZKH-8	CU-U18ZKH-8	CU-U24ZKH-8
Công suất làm lạnh	(tối thiểu-tối đa)	kW	2.55 (0.92-3.60)	3.50 (1.02-4.20)	5.30 (1.10-6.21)	6.10 (1.12-7.18)
	(tối thiểu-tối đa)	Btu/h	8,700 (3,140-12,300)	11,900 (3,480-14,300)	18,100 (3,750-21,200)	20,800 (3,820-24,500)
EER	(tối thiểu-tối đa)	Btu/hW	13.38 (13.96-11.28)	12.53 (13.92-11.44)	13.71 (13.89-12.47)	13.00 (15.28-11.95)
	(tối thiểu-tối đa)	W/W	3.92 (4.09-3.30)	3.68 (4.08-3.36)	4.02 (4.07-3.65)	3.81 (4.48-3.50)
CSPF		W/W	6.14 (5★)	6.30 (5★)	7.10 (5★)	6.89 (5★)
Thông số điện	Điện áp	V	220	220	220	220
	Cường độ dòng điện	A	3.2	4.4	6.2	7.4
	Công suất đầu vào (tối thiểu-tối đa)	W	650 (225-1,090)	950 (250-1,250)	1,320 (270-1,700)	1,600 (250-2,050)
Khử ẩm		L/h	1.6	2.0	2.9	3.4
		Pt/h	3.4	4.2	6.1	7.2
Lưu lượng gió	Dàn lạnh	m ³ /phút(ft ³ /phút)	11.7 (415)	12.5 (440)	18.7 (660)	19.2 (680)
	Dàn nóng	m ³ /phút (ft ³ /phút)	26.5 (940)	30.9 (1,090)	34.9 (1,230)	46.3 (1,635)
Độ ồn	Dàn lạnh (Cao/Thấp/TB)	dB (A)	38/26/19	40/28/19	44/32/27	45/34/28
	Dàn nóng (Cao)	dB (A)	47	48	50	51
Kích thước dàn lạnh (dàn nóng)	Chiều cao	mm	295 (511)	295 (542)	295 (619)	295 (695)
		inch	11-5/8 (20-1/8)	11-5/8 (21-11/32)	11-5/8 (24-3/8)	11-5/8 (27-3/8)
	Chiều rộng	mm	870 (650)	870 (780)	1,040 (824)	1,040 (875)
		inch	34-9/32 (25-19/32)	34-9/32 (30-23/32)	40-31/32 (32-15/32)	40-31/32 (34-15/32)
	Chiều sâu	mm	229 (230)	229 (289)	244 (299)	244 (320)
		inch	9-1/32 (9-1/16)	9-1/32 (11-13/32)	9-5/8 (11-25/32)	9-5/8 (12-5/8)
Khối lượng	Dàn lạnh	kg (lb)	10 (22)	10 (22)	12 (26)	12 (26)
	Dàn nóng	kg (lb)	18 (40)	22 (49)	31 (68)	38 (84)
Môi chất lạnh	Loại [Khối lượng]	g	R32 (430)	R32 (530)	R32 (920)	R32 (1,170)
Đường kính ống dẫn môi chất lạnh	Ống lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
		inch	1/4	1/4	1/4	1/4
	Ống hơi	mm	ø 9.52	ø 9.52	ø 12.70	ø 12.70
		inch	3/8	3/8	1/2	1/2
Giới hạn đường ống	Chiều dài tiêu chuẩn	m	7.5	7.5	10.0	10.0
	Chiều dài ống tối đa	m	20	20	30	30
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	15	15	20	20
	Gas nạp bổ sung*	g/m	10	10	15	15
Nguồn điện			Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh

*Khi chiều dài ống đồng không vượt quá chiều dài tiêu chuẩn, lượng môi chất lạnh cần thiết đã có sẵn trong thiết bị.

DÀN NÓNG

BLU FIN
CONDENSER

R32
REFRIGERANT



CU-U9ZKH-8



CU-U12ZKH-8



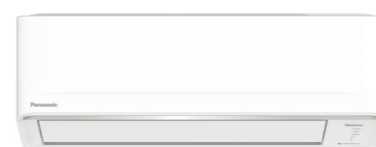
CU-U18ZKH-8



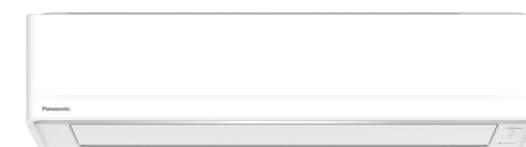
CU-U24ZKH-8

Loại điều hòa cục bộ

MỘT CHIỀU **INVERTER TIÊU CHUẨN**



CS-PU9AKH-8 | CS-PU12AKH-8 | CS-PU18AKH-8



CS-PU24AKH-8



Không dây
(Tiêu chuẩn)

Có dây
CZ-RD514C (Tùy chọn)



Không dây
(Tiêu chuẩn)

Có dây
CZ-RD514C (Tùy chọn)



MODEL			CU/CS-PU9AKH-8	CU/CS-PU12AKH-8	CU/CS-PU18AKH-8	CU/CS-PU24AKH-8
	DÀN LẠNH [50Hz]		CS-PU9AKH-8	CS-PU12AKH-8	CS-PU18AKH-8	CS-PU24AKH-8
	DÀN NÓNG		CU-RU9AKH	CU-RU12AKH	CU-RU18AKH	CU-RU24AKH
Công suất làm lạnh	(tối thiểu-tối đa)	kW	2.65 (0.90-3.40)	3.52 (1.02-4.10)	5.20 (1.10-5.60)	6.25 (1.12-7.18)
	(tối thiểu-tối đa)	Btu/h	9,040 (3,070-11,600)	12,000 (3,480-14,000)	17,700 (3,750-19,100)	21,300 (3,820-24,500)
EER	(tối thiểu-tối đa)	Btu/hW	12.05 (13.64-11.26)	11.65 (12.65-11.11)	10.35 (12.93-10.32)	11.83 (15.28-11.78)
	(tối thiểu-tối đa)	W/W	3.53 (4.00-3.30)	3.42 (3.71-3.25)	3.04 (3.79-3.03)	3.47 (4.48-3.45)
CSPF		W/W	5.30 (5★)	5.39 (5★)	5.10 (5★)	6.22 (5★)
Thông số điện	Điện áp	V	220	220	220	220
	Cường độ dòng điện	A	3.70	4.80	7.90	8.30
	Công suất đầu vào (tối thiểu-tối đa)	W	750 (225-1,030)	1,030 (275-1,260)	1,710 (290-1,850)	1,800 (250-2,080)
Khử ẩm		L/h	1.6	2.0	2.9	3.5
		Pt/h	3.4	4.2	6.1	7.4
Lưu lượng gió	Dàn lạnh	m ³ /phút(ft ³ /phút)	10.3 (365)	11.0 (390)	12.6 (445)	19.9 (700)
	Dàn nóng	m ³ /phút (ft ³ /phút)	26.7 (940)	30.6 (1,080)	39.3 (1,390)	46.3 (1,635)
Độ ồn	Dàn lạnh (Cao/Thấp/TB)	dB (A)	36/26/21	37/28/21	44/34/28	45/34/29
	Dàn nóng (Cao)	dB (A)	47	48	51	51
Kích thước dàn lạnh (dàn nóng)	Chiều cao	mm	290 (511)	290 (542)	290 (619)	295 (619)
		inch	11-7/16 (20-1/8)	11-7/16 (21-11/32)	11-7/16 (24-3/8)	11-5/8 (24-3/8)
	Chiều rộng	mm	765 (650)	765 (780)	765 (824)	1,060 (824)
		inch	30-1/8 (25-19/32)	30-1/8 (30-23/32)	30-1/8 (32-15/32)	41-3/4 (32-15/32)
	Chiều sâu	mm	214 (230)	214 (299)	214 (299)	249 (299)
		inch	8-7/16 (9-1/16)	8-7/16 (11-13/32)	8-7/16 (11-25/32)	9-13/16 (11-25/32)
Khối lượng	Dàn lạnh	kg (lb)	8 (18)	8 (18)	9 (20)	12 (26)
	Dàn nóng	kg (lb)	18 (40)	22 (49)	29 (64)	32 (71)
Môi chất lạnh	Loại [Khối lượng]	g	R32 (410)	R32 (450)	R32 (680)	R32 (920)
Đường kính ống dẫn môi chất lạnh	Ống lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
		inch	1/4	1/4	1/4	1/4
	Ống hơi	mm	ø 9.52	ø 9.52	ø 12.70	ø 12.70
		inch	3/8	3/8	1/2	1/2
Giới hạn đường ống	Chiều dài tiêu chuẩn	m	7.5	7.5	10.0	10.0
	Chiều dài ống tối đa	m	20	20	30	30
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	15	15	20	20
	Gas nạp bổ sung*	g/m	10	10	15	15
Nguồn điện			Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh

*Khi chiều dài ống đồng không vượt quá chiều dài tiêu chuẩn, lượng môi chất lạnh cần thiết đã có sẵn trong thiết bị.

DÀN NÓNG

BLU FIN
CONDENSER

R32
REFRIGERANT



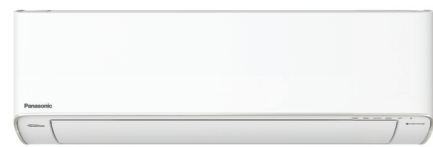
CU-RU9AKH



CU-RU12AKH



CU-RU18AKH
CU-RU24AKH



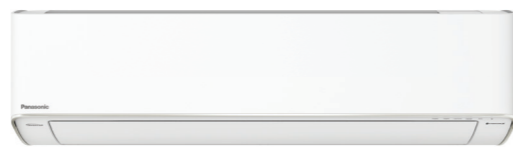
CS-XZ9ZKH-8 | CS-XZ12ZKH-8



Không dây
(Tiêu chuẩn)



Có dây
CZ-RD514C
(Tùy chọn)



CS-XZ18ZKH-8 | CS-XZ24ZKH-8



Không dây
(Tiêu chuẩn)



Có dây
CZ-RD514C
(Tùy chọn)



MODEL			CU/CS-XZ9ZKH-8	CU/CS-XZ12ZKH-8	CU/CS-XZ18ZKH-8	CU/CS-XZ24ZKH-8
	DÀN LẠNH	(50Hz)	CS-XZ9ZKH-8	CS-XZ12ZKH-8	CS-XZ18ZKH-8	CS-XZ24ZKH-8
	DÀN NÓNG		CU-XZ9ZKH-8	CU-XZ12ZKH-8	CU-XZ18ZKH-8	CU-XZ24ZKH-8
Công suất làm lạnh / sưởi ấm	(tối thiểu-tối đa)	kW	2.50 (1.00-3.70) 3.20 (1.00-5.30)	3.50 (1.00-4.20) 3.70 (1.00-5.80)	5.00 (1.10-6.70) 6.00 (1.10-8.00)	7.10 (1.40-8.90) 8.00 (1.40-10.00)
	(tối thiểu-tối đa)	Btu/h	8,530 (3,410-12,600) 10,900 (3,410-18,100)	11,900 (3,410-14,300) 12,600 (3,410-19,800)	17,100 (3,750-22,800) 20,500 (3,750-27,300)	24,200 (4,770-30,300) 27,300 (4,770-34,100)
EER / COP	(tối thiểu-tối đa)	Btu/hW	17.41 (17.49-12.60) 16.77 (17.49-12.48)	14.69 (17.49-11.92) 16.36 (17.49-12.77)	15.13 (16.30-11.40) 15.41 (17.05-11.62)	10.61 (11.09-9.04) 11.67 (11.93-10.33)
	(tối thiểu-tối đa)	W/W	5.10 (5.13-3.70) 4.92 (5.13-3.66)	4.32 (5.13-3.50) 4.81 (5.13-3.74)	4.42 (4.78-3.35) 4.51 (5.00-3.40)	3.11 (3.26-2.66) 3.42 (3.50-3.03)
CSPF		W/W	7.64 (5★)	7.25 (5★)	7.15 (5★)	5.47 (5★)
Thông số điện	Điện áp	V	220	220	220	220
	Cường độ dòng điện	A	2.4 / 3.1	4.0 / 3.8	5.4 / 6.3	10.7 / 11.0
	Công suất đầu vào (tối thiểu-tối đa)	W	490 (195-1,000) 650 (195-1,450)	810 (195-1,200) 770 (195-1,550)	1,130 (230-2,000) 1,330 (220-2,350)	2,280 (430-3,350) 2,340 (400-3,300)
Khử ẩm		L/h	1.5	2.0	2.8	4.1
		Pt/h	3.2	4.2	5.9	8.7
Lưu lượng gió	Dàn lạnh (Cao)	m³/phút (ft³/phút)	11.6 (410) / 11.6 (410)	13.0 (460) / 13.0 (460)	18.7 (660) / 18.7 (660)	20.8 (735) / 20.8 (735)
Độ ồn	Dàn lạnh (Cao/Thấp/TB)	dB (A)	40/25/19 / 40/28/23	42/28/19 / 42/33/30	45/35/28 / 45/33/28	47/37/30 / 47/37/30
	Dàn nóng (Cao)	dB (A)	47 / 48	48 / 50	48 / 50	53 / 53
Kích thước dàn lạnh (dàn nóng)	Chiều cao	mm	295 (542)	295 (542)	295 (695)	295 (695)
		inch	11-5/8 (21-11/32)	11-5/8 (21-11/32)	11-5/8 (27-3/8)	11-5/8 (27-3/8)
	Chiều rộng	mm	870 (780)	870 (780)	1,040 (875)	1,040 (875)
		inch	34-9/32 (30-23/32)	34-9/32 (30-23/32)	40-31/32 (34-15/32)	40-31/32 (34-15/32)
Chiều sâu	mm	229 (289)	229 (289)	244 (320)	244 (320)	
	inch	9-1/32 (11-13/32)	9-1/32 (11-13/32)	9-5/8 (12-5/8)	9-5/8 (12-5/8)	
Khối lượng	Dàn lạnh	kg (lb)	10 (22)	10 (22)	12 (26)	14 (31)
	Dàn nóng	kg (lb)	30 (66)	30 (66)	41 (90)	44 (97)
Môi chất lạnh	Loại (Khối lượng)	g	R32 (780)	R32 (780)	R32 (1,130)	R32 (1,330)
Đường kính ống dẫn môi chất lạnh	Ống lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
		inch	1/4	1/4	1/4	1/4
	Ống hơi	mm	ø 9.52	ø 9.52	ø 12.70	ø 15.88
		inch	3/8	3/8	1/2	5/8
Giới hạn đường ống	Chiều dài tiêu chuẩn	m	7.5	7.5	7.5	10.0
	Chiều dài ống tối đa	m	20	20	30	30
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	15	15	15	20
	Gas nạp bổ sung*	g/m	10	10	15	25
Nguồn điện			Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh

*Khi chiều dài ống đồng không vượt quá chiều dài tiêu chuẩn, lượng môi chất lạnh cần thiết đã có sẵn trong thiết bị.

DÀN NÓNG

BLU FIN CONDENSER



CU-XZ9ZKH-8
CU-XZ12ZKH-8



CU-XZ18ZKH-8
CU-XZ24ZKH-8



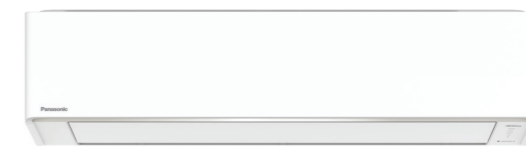
CS-YZ9AKH-8 | CS-YZ12AKH-8



Không dây
(Tiêu chuẩn)



Có dây
CZ-RD514C
(Tùy chọn)



CS-YZ18AKH-8



Không dây
(Tiêu chuẩn)



Có dây
CZ-RD514C
(Tùy chọn)



MODEL			CU/CS-YZ9AKH-8	CU/CS-YZ12AKH-8	CU/CS-YZ18AKH-8
	DÀN LẠNH	(50Hz)	CS-YZ9AKH-8	CS-YZ12AKH-8	CS-YZ18AKH-8
	DÀN NÓNG		CU-YZ9AKH-8	CU-YZ12AKH-8	CU-YZ18AKH-8
Công suất làm lạnh / sưởi ấm	(tối thiểu-tối đa)	kW	2.65 (0.84-3.00) 3.15 (0.84-3.50)	3.52 (0.92-3.80) 3.84 (0.92-4.10)	5.20 (1.20-6.00) 5.40 (1.20-7.70)
	(tối thiểu-tối đa)	Btu/h	9,040 (2,860-10,200) 10,700 (2,860-11,900)	12,000 (3,140-13,000) 13,100 (3,140-14,000)	17,700 (4,090-20,500) 18,400 (4,090-26,300)
EER / COP	(tối thiểu-tối đa)	Btu/hW	12.91 (13.00-10.20) 14.08 (14.30-12.02)	11.11 (11.21-10.40) 12.24 (12.56-11.57)	12.46 (17.04-11.71) 13.63 (18.59-12.23)
	(tối thiểu-tối đa)	W/W	3.79 (3.82-3.00) 4.14 (4.20-3.54)	3.26 (3.29-3.04) 3.59 (3.68-3.39)	3.66 (5.00-3.43) 4.00 (5.45-3.58)
CSPF		W/W	6.46 (5★)	5.79 (5★)	6.62 (5★)
Thông số điện	Điện áp	V	220	220	220
	Cường độ dòng điện	A	3.30 / 3.50	5.00 / 5.00	6.70 / 6.20
	Công suất đầu vào (tối thiểu-tối đa)	W	700 (220-1,000) 760 (200-990)	1,080 (280-1,250) 1,070 (250-1,210)	1,420 (240-1,750) 1,350 (220-2,150)
Khử ẩm		L/h	1.6	2.0	2.9
		Pt/h	3.4	4.2	6.1
Lưu lượng gió	Dàn lạnh (Cao)	m³/phút (ft³/phút)	11.9 (420) / 11.9 (420)	12.4 (440) / 12.4 (440)	19.3 (680) / 19.3 (680)
Độ ồn	Dàn lạnh (Cao/Thấp/TB)	dB (A)	41/26/22 / 41/28/25	42/30/25 / 42/33/30	44/37/28 / 44/37/32
	Dàn nóng (Cao)	dB (A)	50 / 50	50 / 50	50 / 50
Kích thước dàn lạnh (dàn nóng)	Chiều cao	mm	290 (542)	290 (542)	295 (619)
		inch	11-7/16 (21-11/32)	11-7/16 (21-11/32)	11-5/8 (24-3/8)
	Chiều rộng	mm	765 (780)	765 (780)	1,060 (824)
		inch	30-1/8 (30-23/32)	30-1/8 (30-23/32)	41-3/4 (32-15/32)
Chiều sâu	mm	214 (289)	214 (289)	249 (299)	
	inch	8-7/16 (11-13/32)	8-7/16 (11-13/32)	9-13/16 (11-25/32)	
Khối lượng	Dàn lạnh	kg (lb)	8 (18)	8 (18)	12 (26)
	Dàn nóng	kg (lb)	24 (53)	24 (53)	34 (75)
Môi chất lạnh	Loại (Khối lượng)	g	R32 (520)	R32 (610)	R32 (1,100)
Đường kính ống dẫn môi chất lạnh	Ống lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
		inch	1/4	1/4	1/4
	Ống hơi	mm	ø 9.52	ø 9.52	ø 12.70
		inch	3/8	3/8	1/2
Giới hạn đường ống	Chiều dài tiêu chuẩn	m	7.5	7.5	7.5
	Chiều dài ống tối đa	m	15	15	30
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	15	15	15
	Gas nạp bổ sung*	g/m	10	10	15
Nguồn điện			Dàn lạnh	Dàn lạnh	Dàn lạnh

*Khi chiều dài ống đồng không vượt quá chiều dài tiêu chuẩn, lượng môi chất lạnh cần thiết đã có sẵn trong thiết bị.

DÀN NÓNG

BLU FIN CONDENSER



CU-YZ9AKH-8
CU-YZ12AKH-8



CU-YZ18AKH-8

Treo tường						
Dòng sản phẩm	INVERTER SANG TRỌNG	AERO INVERTER CAO CẤP	INVERTER CAO CẤP	INVERTER TIÊU CHUẨN	HAI CHIỀU INVERTER CAO CẤP	HAI CHIỀU INVERTER TIÊU CHUẨN
Một chiều/Hai chiều	CS-VU9UKH-8 CS-VU12UKH-8 CS-VU18UKH-8	CS-XU9ZKH-8 CS-XU12ZKH-8 CS-XU18ZKH-8 CS-XU24ZKH-8	CS-U9ZKH-8 CS-U12ZKH-8 CS-U18ZKH-8 CS-U24ZKH-8	CS-PU9AKH-8 CS-PU12AKH-8 CS-PU18AKH-8 CS-PU24AKH-8	CS-XZ9ZKH-8 CS-XZ12ZKH-8 CS-XZ18ZKH-8 CS-XZ24ZKH-8	CS-YZ9AKH-8 CS-YZ12AKH-8 CS-YZ18AKH-8

LỌC SẠCH KHÔNG KHÍ						
nanoe™ X	(Hệ hệ 1)	(Hệ hệ 3)	(Hệ hệ 2)		(Hệ hệ 3)	
nanoe-G	•	•	•	•	•	•
Vệ sinh bên trong dàn lạnh theo nhu cầu		•	•		•	
Lớp phủ chống bám bụi	•	•			•	
Cảm biến bụi	•					
Khử mùi	•	•	•	•	•	•
Nắp dàn lạnh có thể tháo rời và vệ sinh		•	•	•	•	•

KẾT NỐI						
Wi-Fi		(Tích hợp)	(Tích hợp)	(Tích hợp)	(Tích hợp)	(Tích hợp)
Bộ hẹn giờ kép BẬT/TẮT 24 giờ	•	•	•	•	•	•
Điều khiển không dây LCD	•	•	•	•	•	•
Điều khiển có dây	(Tùy chọn)	(Tùy chọn)	(Tùy chọn)	(Tùy chọn)	(Tùy chọn)	(Tùy chọn)

DUY TRÌ SỰ THOẢI MÁI						
iAUTO-X	•	•	•		•	
Chế độ Powerful				•		•
Cảm biến độ ẩm		•	•		•	
Chế độ ngủ ban đêm	•	•	•	•	•	•
Chế độ yên tĩnh	•	•	•	•	•	•
Chế độ khử ẩm nhẹ	•	•	•	•	•	•
Làm lạnh tản nhiệt	•					
Tùy chỉnh hướng gió	•	•	•	(PU24)	•	(YZ18)
Điều chỉnh hướng gió (Lên & Xuống)				(PU9/PU12/PU18)		(YZ9/YZ12)
Điều chỉnh hướng gió ngang				(PU9/PU12/PU18)		(YZ9/YZ12)
Tự động đảo chiều (cho dòng hai chiều)					•	•
Khởi động ngay tức thì					•	•

TIẾT KIỆM ĐIỆN						
Điều khiển Inverter	•	•	•	•	•	•
Chế độ ECO tích hợp A.I.		•	•	•	•	•

MỨC ĐỘ ỔN ĐỊNH						
Tự khởi động ngẫu nhiên (32 mẫu khởi động)	•	•	•	•	•	•
Dàn trao đổi nhiệt Blue Fin	•	•	•	•	•	•
Chiều dài đường ống ga (tối đa)	20m (VU9/VU12) 30m (VU18)	20m (XU9/XU12) 30m (XU18/XU24)	20m (U9/U12) 30m (U18/U24)	20m (PU9/PU12) 30m (PU18/PU24)	20m (XZ9/XZ12) 30m (XZ18/XZ24)	15m (YZ9/YZ12) 30m (YZ18)
Cửa bảo trì nằm phía trên máy	•	•	•	•	•	•
Tự chẩn đoán lỗi	•	•	•	•	•	•

LỌC SẠCH KHÔNG KHÍ

nanoe™ X
Công nghệ nanoe™ X khử mùi và ức chế hiệu quả các tác nhân gây ô nhiễm, cho không gian sống trong lành và sạch sẽ hơn.

nanoe-G
Công nghệ nanoe-G loại bỏ hiệu quả các hạt bụi mịn PM2.5.

VỆ SINH BÊN TRONG THEO NHU CẦU
Chức năng vệ sinh bên trong giúp khử ẩm bên trong dàn lạnh, đồng thời giải phóng các hạt nanoe™ X ức chế các tác nhân gây ô nhiễm, mang không khí trong lành cho ngôi nhà của bạn.

CẢM BIẾN BỤI
Theo dõi lượng bụi bẩn trong không khí và kích hoạt nanoe-G khi lượng bụi cao.

LỚP PHỦ CHỐNG BĂM BỤI
Lớp phủ chống bám bụi ngăn bụi tích tụ trên quạt lồng sóc.

CHỨC NĂNG KHỬ MÙI
Chức năng này loại bỏ mùi khó chịu khi máy vừa khởi động, nhờ cơ chế ngưng hoạt động cánh quạt trong tích tắc, trong khi mùi khó chịu bên trong máy điều hòa bị loại bỏ. Thiết bị phải ở chế độ làm mát hoặc khử ẩm và tốc độ quạt ở chế độ tự động.

NẮP DÀN LẠNH CÓ THỂ THÁO RỜI ĐỂ VỆ SINH
Giúp bạn dễ dàng tiếp cận màng lọc cũng như vệ sinh thiết bị.

KẾT NỐI

WI-FI
Điều khiển điều hòa từ xa bằng thiết bị di động (có kết nối Internet).

HẸN GIỜ KÉP BẬT/TẮT 24 GIỜ THIẾT LẬP THỜI GIAN THỰC
Bạn có thể đặt trước hai bộ hẹn giờ bật/tắt (giờ và phút) khác nhau trong vòng 24 giờ.

ĐIỀU KHIỂN KHÔNG DÂY MÀN HÌNH LCD
Dễ dàng điều khiển điều hòa từ mọi nơi trong phòng.

ĐIỀU KHIỂN CÓ DÂY
Điều khiển điều hòa từ một vị trí cố định.

DUY TRÌ SỰ THOẢI MÁI

iAUTO-X
Tận hưởng sự thoải mái tức thì với chế độ làm lạnh nhanh cùng chức năng làm lạnh đồng đều khắp phòng và ấn lại nút iAUTO-X để kích hoạt lại chế độ làm lạnh nhanh.

CHẾ ĐỘ POWERFUL
Chế độ POWERFUL giúp làm lạnh nhanh hơn khi khởi động, cho bạn không gian mát mẻ để chịu ngay lập tức.

CẢM BIẾN ĐỘ ẨM
Điều hòa không khí tích hợp cảm biến độ ẩm với chế độ Dry (khử ẩm) và iAUTOX giúp kiểm soát và điều chỉnh độ ẩm tương đối dưới 55%-60%.

CHẾ ĐỘ NGỦ (SLEEP)
Điều chỉnh chế độ hẹn giờ tắt máy và kiểm soát nhiệt độ giúp mang lại giấc ngủ ngon hơn.

CHẾ ĐỘ YÊN TĨNH (QUIET)
Tận hưởng cảm giác thoải mái khi bật điều hòa vào ban đêm để có giấc ngủ thư giãn.

CHẾ ĐỘ KHỬ ẨM NHẹ
Khởi động chế độ làm mát để khử ẩm, sau đó liên tục thổi gió ở tần số thấp để giữ phòng khô thoáng mà không làm thay đổi nhiệt độ quá nhiều.

LÀM LẠNH TẢN NHIỆT
Điều hòa làm mát trần và tường trước, mang lại cảm giác mát mẻ dễ chịu mà không thổi gió trực tiếp vào người.

TÙY CHỈNH HƯỚNG GIÓ
Sử dụng điều khiển từ xa để điều chỉnh luồng gió theo phương dọc và ngang theo ý muốn để đạt được sự thoải mái tối đa.

ĐIỀU CHỈNH LUỒNG GIÓ (LÊN & XUỐNG)
Sử dụng điều khiển từ xa để điều chỉnh luồng gió theo hướng dọc.

ĐIỀU CHỈNH HƯỚNG GIÓ NGANG THỦ CÔNG
Điều khiển thủ công các luồng gió ngang.

TỰ ĐỘNG ĐẢO CHIỀU (CHO DÒNG HAI CHIỀU)
Chế độ Tự động cho phép thiết bị chọn vận hành sưởi ấm hay làm mát.

KHỞI ĐỘNG NGAY TỨC THÌ
Quá trình bắt đầu của chu trình sưởi ấm và sau khi hoá hơi ở dàn lạnh, quạt dàn lạnh sẽ khởi động ngay khi dàn trao đổi nhiệt trong nhà ấm lên.

TIẾT KIỆM ĐIỆN

ĐIỀU KHIỂN INVERTER
Thay đổi tốc độ quay của máy nén giúp tiết kiệm điện năng.

CHẾ ĐỘ ECO TÍCH HỢP A.I.
Tự động điều chỉnh mức ECO tối ưu dựa trên điều kiện tải nhiệt và khả năng làm mát của điều hòa.

MỨC ĐỘ ỔN ĐỊNH

TỰ KHỞI ĐỘNG LẠI NGẪU NHIÊN
Trong trường hợp mất điện khi đang kết nối nhiều thiết bị, các thiết bị này sẽ vận hành vào các thời điểm khác nhau để tránh quá tải điện.

DÀN TRAO ĐỔI NHIỆT BLUE FIN
Bền hơn trước các tác động của môi trường với dàn ống đồng chắc chắn.

ĐƯỜNG ỐNG DÀI
Đường ống dài cho phép lắp đặt linh hoạt.

CỬA BẢO TRÌ MỞ PHÍA TRÊN
Dễ dàng bảo dưỡng.

TỰ CHẨN ĐOÁN LỖI
Khi có sự cố, điều hòa sẽ tự chẩn đoán lỗi và hiển thị mã lỗi dưới dạng chữ và số tương ứng, giúp sửa chữa nhanh hơn.